

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HKII – NĂM HỌC 2022 - 2023

1. TOÁN

- 1- Giới hạn của hàm số
- 2- Hàm số liên tục
- 3- Ý nghĩa của đạo hàm(pttt)
- 4- Quy tắc tính đạo hàm
- 5- Đạo hàm của hàm số lượng giác
- 6- Đạo hàm cấp hai
- 7- Vector trong không gian
- 8- Hai đường thẳng vuông góc
- 9- Đường thẳng vuông góc với mặt phẳng
- 10- Hai mặt phẳng vuông góc
- 11- Khoảng cách.

2. VẬT LÝ

2.1. Lý thuyết

- Phát biểu định nghĩa từ trường.
- Phát biểu định nghĩa đường sức từ.
- Nêu định luật Lenxơ về chiều dòng điện cảm ứng.
- Nêu định luật Faraday. Viết công thức xác định suất điện động cảm ứng trong mạch kín.
- Hiện tượng tự cảm là gì? Viết biểu thức tính độ tự cảm của ống dây dài đặt trong không khí.
- Suất điện động tự cảm là gì? Viết biểu thức xác định suất điện động tự cảm.
- Chiết suất tuyệt đối n của một môi trường là gì? Viết biểu thức liên hệ giữa chiết suất tỉ đối và chiết suất tuyệt đối.
- Thế nào là phản xạ toàn phần? Điều kiện để có phản xạ toàn phần
- Thấu kính là gì? Kể tên các loại thấu kính.
- Trình bày cấu tạo của mắt về phương diện quang học.
- Trình bày các đặc điểm về: sự điều tiết; điểm cực viễn, điểm cực cận; khoảng nhìn rõ của mắt.
- Nêu các đặc điểm và cách khắc phục đối với: mắt cận; mắt viễn; mắt lão.

2.2. Bài tập

- Cảm ứng từ tạo bởi dòng điện (dây dẫn thẳng dài; vòng dây dẫn tròn; ống dây dẫn dài), Lực Lo-ren-xơ

- Suất điện động cảm ứng, Suất điện động tự cảm
- Khúc xạ, phản xạ toàn phần.
- Thấu kính hội tụ, thấu kính phân kỳ.
- Mắt cận thị, viễn thị, hoặc lão thị
- Quang hình

3. HÓA HỌC

- Thực hiện phản ứng dạng: Cho 2 chất trước phản ứng, viết phương trình hoàn chỉnh

- Viết đồng phân và gọi tên thay thế
- Nhận biết dung dịch hoặc chất lỏng
- Bài toán đốt cháy
- Bài toán este hóa, có hiệu suất
- Bài toán về andehit (phản ứng tráng gương)

4. SINH HỌC

- Tuần hoàn máu
- Chuyên đề Cảm ứng ở thực vật
- Chuyên đề Cảm ứng ở động vật
- Chuyên đề Tập tính của động vật
- Sinh trưởng ở thực vật
- Hoocmôn thực vật
- Phát triển ở thực vật có hoa
- Sinh trưởng và phát triển ở động vật

5. NGŨ VĂN

- Đọc hiểu: Kiểm tra kiến thức, kỹ năng đọc hiểu văn bản (Văn bản ngoài sgk)
- Nghị luận văn học: Kiểm tra kiến thức, kỹ năng NLVH về bài thơ, đoạn thơ.

Trọng tâm: *Đây thôn Vĩ Dạ, Chiều tối, Từ ấy.*

6. LỊCH SỬ: Bao gồm nội dung cơ bản các bài: 17, 19, 21, 22, 23

7/ ĐỊA LÝ

- Lý thuyết:

+ Bài 10. Trung Quốc (Tự nhiên- dân cư- Xã hội; Kinh tế)

- + Bài 11. Đông Nam Á (Tự nhiên- dân cư- Xã hội; Kinh tế)
- *Kĩ năng*: (nội dung số liệu của các bài học kì 2)
- + Tính: cán cân thương mại (cán cân XNK); tỉ trọng, GDP/ Người.
- + Điền bản đồ (Trung Quốc, Đông Nam Á)
- + Vẽ và nhận xét biểu đồ: Miền, Tròn, Cột.

8. TIẾNG ANH

Trọng tâm : Unit 12, 13, 15 ; grammar Unit 12, 13, 15, 16

I. Listening

II. Pronunciation , Stress and Word form: Theo đề cương từ Unit 12 → Unit 15

III. Vocabulary and prepositions: Các từ có trong Task 1, part A + Reading Unit 12 -15 + phần III trong đề cương

IV. Grammar:

1. Verb tenses
2. Conditional sentences (2,3)
3. Tag questions
4. Could / be able to
5. Cleft sentences
6. It is said that...../ people say that
7. Relative clauses:

- defining/non-defining relative clauses

- reduce relative clauses(present/past participle phrases)

WRITING

1- Relative clauses

- reduce relative clauses (present/past participle; infinitive)
- defining relative clauses; non-defining relative clauses

2- Passive voice

- It is /was said that/ S+ be+ said +....

3- Cleft sentence: dạng cơ bản (2 câu – nhấn mạnh chủ ngữ/ tân ngữ/ trạng ngữ)

PREPOSITIONS

1. cope with= deal with

2. once **in** a while
3. indulge (**in**)
4. **for** a while
5. **into** space
6. be **in** orbit
7. **at** a speed of
8. lift **off**
9. add ... **to** (v.)
10. result **in** (v.)
11. be **in** danger **of**
12. protect **from**= save **from** (v.)
13. **in** all aspects
14. run **out**: cạn kiệt
15. use **up**: tiêu dùng hết, tiêu thụ hết
16. make **use of**: tận dụng
17. make **up**: chiếm (số lượng)
18. change **into**: chuyển thành, biến đổi thành
19. consist **of**: bao gồm
20. depend **on**: phụ thuộc vào

Word form

	NOUN	VERB	ADJECTIVE	ADVERB
1	variety	vary	various	variously
2	danger	endanger	dangerous endangered	dangerously
3	enthusiasm enthusiast		enthusiastic	enthusiastically
4	development	develop	developing developed	
5	Accomplishment	accomplish	accomplished	
6	Profit	profit	profitable	profitably

7	Weight weightlessness	weigh	weightless	
8	satisfaction	satisfy	satisfactory satisfied satisfying	satisfactorily
9	competition competitor	compete	competitive	competitively
10	Success	succeed	successful	Successfully
11	Possibility		Possible Impossible	Possibly
12	Collection Collector	collect		

9. GD CD

- Bài 8: Chủ nghĩa xã hội
- Bài 9: Nhà nước xã hội chủ nghĩa.
- Bài 10: Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.
- Bài 11: Chính sách dân số và giải quyết việc làm.
- Bài 12: Chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường.
- Bài 13: Chính sách giáo dục và đào tạo, khoa học, công nghệ, văn hóa.
- Bài 14: Chính sách quốc phòng và an ninh.